

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 21-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Cao Thị Hạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Khắc Q, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1968 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Khắc N (đã chết) và bà Đào Thị T (đã chết); có vợ là Bùi Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/11/2022; có mặt.

2. Bùi Thị L, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Bùi Danh N và bà Nguyễn Thị S (đã chết); có chồng là Trịnh Khắc Q và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/11/2022; có mặt.

Bị hại:

- Công ty X; trụ sở: Đường V, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X: Anh Vũ Hồng Q; địa chỉ: Số A ĐN, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty Y; trụ sở: Đường V, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Y: Chị Lê Thị T; địa chỉ: Số B ngõ C đường V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Vũ Ngọc B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9h30 ngày 03/9/2023, Trịnh Khắc Q cùng vợ là Bùi Thị L đến Trung tâm Bách hóa tổng hợp và siêu thị M địa chỉ phường K, quận L, thành phố Hải Phòng để tham quan, mua sắm. Nhận thấy việc quản lý tài sản của siêu thị có sơ hở, Q và L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đến thùng rác của siêu thị nhặt 02 túi nilon. Tại khu vực tầng 01, Q và L lấy 01 số sản phẩm mỹ phẩm, khóa cửa, quần áo thuộc các gian hàng của Công ty X (công ty có 100% vốn nước ngoài) cho vào túi nilon. Sau đó, Q và L đi lên tầng 2 đến gian hàng của Công ty Y (công ty có 100% vốn nước ngoài) lấy các sản phẩm bảo vệ sức khỏe, tã bỉm nha khoa, thuốc collagen cho vào túi nilon còn lại. Q, L mỗi người xách 01 túi hàng đi thẳng ra bãi gửi xe mà không qua quầy thanh toán thì bị lực lượng an ninh kiểm tra, phát hiện bắt giữ. Sau khi sự việc xảy ra, đại diện Công ty X, Công ty Y có đơn trình báo về việc trộm cắp tài sản nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 89 ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận L, Hải Phòng kết luận: Tổng giá trị hàng hóa các bị cáo Q và L chiếm đoạt là 8.007.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Công ty X và Công ty Y đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Vật chứng của vụ án: Toàn bộ tài sản do Trịnh Khắc Q, Bùi Thị L chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra trả lại Công ty X và Công ty Y.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng; trình bày bố đẻ bị cáo Bùi Thị L, bố vợ bị cáo Trịnh Khắc Q là ông Bùi Danh N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba và

Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba; bị cáo Q đã từng tham gia quân đội; các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện các bị hại và người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trong hồ sơ thể hiện như nội dung trên. Bị hại Công ty X và Công ty Y đã nhận lại tài sản bị cáo Q, L chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Khắc Q và Bùi Thị L, mỗi bị cáo mức án từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Do các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định nên miễn khâu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Do bị hại Công ty X và Công ty Y được nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên không đặt vấn đề giải quyết.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở trong quản lý hàng hóa của Công ty X và Công ty Y tại Trung tâm Bách hóa tổng hợp và siêu thị M Lê Chân, Hải Phòng; các bị cáo Trịnh Khắc Q và Bùi Thị L đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty X và Công ty Y (là

doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài). Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo kết quả định giá trị giá 8.007.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Trịnh Khắc Q, Bùi Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt vì tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ông Bùi Danh N là bố đẻ bị cáo Bùi Thị L và là bố vợ bị cáo Trịnh Khắc Q được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba; bị cáo Q có thời gian tham gia quân đội theo quy định tại điểm s, i khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do thiệt hại xảy ra là thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại các bị cáo mong muốn nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

[5] Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên không buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173; khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[6] Do toàn bộ tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; Công ty X và Công ty Y không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Khắc Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trịnh Khắc Q, Bùi Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục, theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự).

Về hình phạt bổ sung: Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; các bị cáo Trịnh Khắc Q, Bùi Thị L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Trịnh Khắc Q và Bùi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại Công ty X và Công ty Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao;
- TANDCC; Vụ 1 - TANDTC;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu